HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 21/2011/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 7 năm 2011*

NGHỊ QUYẾT
Về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về Phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 1918/TTr-UBND ngày 12/7/2011 của UBND tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 với những nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu phát triển đô thị:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, có kinh tế xã hội phát triển, môi trường đô thị trong sạch và bền vững; bảo đảm cho mỗi đô thị theo vị trí và chức năng, phát huy đầy đủ thế mạnh, thật sự là động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

1.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015:

- Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng kinh tế đối với khu vực các đô thị bình quân hàng năm đạt 15% - 17%; riêng thành phố Quảng Ngãi và Khu kinh tế Dung Quất đạt 18% - 20%.

- Thu ngân sách trên địa bàn các đô thị (kể cả Khu kinh tế, khu công nghiệp) chiếm tỷ lệ 90% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến 2015 đạt 20%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) bình quân tại các đô thị xuống dưới 6% vào năm 2015.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Có 90% xã, phường, trị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó vững mạnh toàn diện đạt 50% vào năm 2015.

2. Định hướng phát triển từng loại đô thị:

2.1. Các đô thị trung tâm cấp vùng:

a) Thành phố Quảng Ngãi: Giữ vai trò là thành phố tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi; là một trong những trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

- Giai đoạn 2011 - 2015, mở rộng không gian đô thị, khu vực thành phố hiện có, gồm 08 phường và 02 xã; mở rộng về phía Đông và phía Bắc bao gồm thị trấn Sơn Tịnh, các xã Tịnh An, Tịnh Ấn Đông, Tịnh Ấn Tây, Tịnh Long, Tịnh Châu, Tịnh Thiện, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ thuộc huyện Sơn Tịnh và các xã Nghĩa Hà, Nghĩa Phú, Nghĩa An thuộc huyện Tư Nghĩa. Hoàn thành việc mở rộng địa giới hành chính chậm nhất cuối năm 2012; tổng diện tích tự nhiên của thành phố dự kiến khoảng 14.200 ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.400 ha. Đến năm 2015, tỷ lệ đô thị hóa đạt 63% - 65%, đạt tiêu chuẩn đô thị loại II (đối với khu vực thành phố hiện có), quy mô dân số đô thị khoảng 190.000 người, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

- Đến năm 2020: Diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.950 ha, quy mô dân số đô thị khoảng 219.300 người, hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại II (đối với khu vực thành phố mở rộng).

b) Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất trở thành thành phố trực thuộc tỉnh:

- Là Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, hóa chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: luyện - cán thép, cơ khí, đóng và sửa chữa tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác cảng nước sâu, hướng tới trở thành thành phố trực thuộc tỉnh. Là một trong những trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ cảng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với các đô thị Vạn Tường, Dốc Sỏi và một số đô thị vệ tinh

khác. Là một trong những đầu mối về giao thông vận tải, trao đổi hàng hóa, giao lưu quốc tế quan trọng khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh của quốc gia.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Quy hoạch xây dựng thành phố Dung Quất trực thuộc tỉnh; mở rộng không gian Khu kinh tế Dung Quất, bao gồm toàn bộ diện tích các xã Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phước, Bình Hòa, Bình Phú, Bình Dương, Bình Thanh Đông, Bình Thanh Tây, Bình Tân, Bình Châu, Bình Thới, một phần diện tích các xã Bình Nguyên, Bình Long, Bình Hiệp, Bình Trung thuộc huyện Bình Sơn; toàn bộ diện tích các xã Tịnh Phong, Tịnh Hòa và một phần xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh; khu vực mặt biển liền kề. Tổng diện tích tự nhiên khoảng 42.000 ha, diện tích đất xây dựng khoảng 16.500 ha (trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.000 ha). Đến năm 2015, tỷ lệ đô thị hóa đạt 40% - 43%, quy mô dân số khoảng 315.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 110.000 người, có cơ cấu kinh tế là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

- Đến năm 2020: Diện tích đất xây dựng khoảng 18.450 ha (trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 1.950 ha), quy mô dân số khu kinh tế khoảng 415.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 160.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 55% - 60%.

- Các đô thị thuộc Khu kinh tế Dung Quất:

+ Đô thị Vạn Tường: Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 650 ha, quy mô dân số khoảng 80.000 người. Tập trung đầu tư xây dựng phát triển các khu chức năng quan trọng trong đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại IV. Đến năm 2020, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 1.500 ha, quy mô dân số khoảng 120.000 người, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại IV và là đô thị trung tâm của Khu kinh tế Dung Quất.

+ Đô thị Dốc Sỏi: Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 150 ha, quy mô dân số khoảng 15.000 người, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại V. Đến năm 2020, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 200 ha, quy mô dân số khoảng 20.000 người, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V.

2.2. Các đô thị trung tâm cấp tỉnh:

a) Đô thị Đức Phổ:

Xây dựng thị trấn Đức Phổ đạt các tiêu chí của đô thị loại IV, cùng với các đô thị mới: Trà Câu, Sa Huỳnh, Phổ Phong làm hạt nhân để đưa huyện Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh trước năm 2015 và giữ vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội vùng phía Nam của tỉnh; tổng diện tích tự nhiên 36.276 ha, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

Giai đoạn 2011 - 2015: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị (bao gồm cả thị trấn Đức Phổ và các đô thị Trà Câu, Sa Huỳnh, Phổ Phong) khoảng 770 ha, quy mô dân số khoảng 150.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 54.000 người. Đến năm

2020, tổng diện tích đất xây dựng đô thị nêu trên khoảng 1.200 ha, quy mô dân số khoảng 165.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 70.000 người.

Các đô thị trực thuộc:

- Thị trấn Đức Phổ: Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 600 ha, quy mô dân số khoảng 40.000 người. Đến năm 2015, đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 900 ha, quy mô dân số khoảng 50.000 người, hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại IV.

- Đô thị Trà Câu: Là đô thị mới, hình thành, phát triển trên cơ sở xã Phổ Văn và xã Phổ Thuận hiện trạng; được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn của đô thị loại V. Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 70 ha, quy mô dân số khoảng 5.000 người. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 100 - 120 ha, quy mô dân số khoảng 7.000 người.

- Đô thị Sa Huỳnh: Là đô thị mới, hình thành, phát triển trên cơ sở xã Phổ Thạnh hiện trạng; được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn của đô thị loại V. Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 60ha, quy mô dân số khoảng 6.000 người. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80 – 100 ha, quy mô dân số khoảng 8.000 - 10.000 người.

- Đô thị Phổ Phong: Là đô thị mới, hình thành, phát triển trên cơ sở xã Phổ Phong hiện trạng; được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo tiêu chuẩn của đô thị loại V. Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 30 ha, quy mô dân số khoảng 3.000 người. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80 ha, quy mô dân số khoảng 5.000 người.

b) Thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà): Xây dựng thị trấn Di Lăng trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Sơn Hà, đồng thời là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội vùng phía tây của tỉnh. Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 190 ha, quy mô dân số khoảng 10.000 người, tập trung đầu tư đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - nông nghiệp - công nghiệp. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 240 ha, quy mô dân số khoảng 11.000 người; đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV.

2.3. Các đô thị trung tâm cấp huyện:

- Thị trấn, trung tâm huyện lỵ của các huyện: Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Tây, Tây Trà, Minh Long, Lý Sơn: giữ vai trò là các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của các huyện. Các đô thị này được quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, hoàn chỉnh các tiêu chí của đô thị loại V chậm nhất vào năm 2015. Riêng đối với các trung tâm huyện lỵ Sơn Tây, Tây Trà, Minh Long, Lý Sơn, phấn đấu đạt các tiêu chí của đô thị loại V để trở thành thị trấn trước năm 2015.

- Đô thị Châu Ổ: Giữ vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Bình Sơn. Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 200 ha;

đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV; quy mô dân số khoảng 15.000 người, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 250 ha, quy mô dân số khoảng 20.000 người, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại IV.

- Xây dựng thị trấn Sông Vệ (huyện Tư Nghĩa) trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội phía Nam huyện Tư Nghĩa. Giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80 ha, quy mô dân số khoảng 9.000 người; tập trung đầu tư đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, có cơ cấu kinh tế là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 120 ha, quy mô dân số khoảng 11.000 người, hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại V.

- Xây dựng Trung tâm huyện lỵ mới của huyện Sơn Tịnh (hoàn thành việc xác định địa giới hành chính chậm nhất cuối năm 2012).

Đây là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Sơn Tịnh, thay cho thị trấn cũ sáp nhập vào thành phố Quảng Ngãi. Khu trung tâm huyện lỵ mới bố trí tại vị trí thuận lợi trên cơ sở tận dụng tối đa các lợi thế về giao thông, địa hình cảnh quan tự nhiên và hạ tầng hiện trạng.

Giai đoạn 2011 - 2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.900 ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80 ha, quy mô dân số khoảng 6.000 người; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại V để trở thành thị trấn vào năm 2015. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 120 - 150 ha, quy mô dân số khoảng 8.000 - 10.000 người; hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại V.

2.4. Các đô thị mới trực thuộc huyện:

- Đô thị mới Thạch Trụ (huyện Mộ Đức): Giai đoạn 2011 - 2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên khoảng 700 ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 50 ha, quy mô dân số khoảng 4.000 người; tập trung đầu tư đạt tiêu chuẩn cơ bản của đô thị loại V, phát triển đô thị này thành thị trấn mới của huyện Mộ Đức trên cơ sở xã Đức Lân hiện trạng. Đến năm 2020, dự kiến diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80 - 100 ha, quy mô dân số khoảng 8.000 - 9.000 người, hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại V.

- Hình thành và phát triển đô thị mới Nam Sông Vệ (huyện Mộ Đức) thành thị trấn trên cơ sở xã Đức Nhuận hiện trạng. Giai đoạn 2011 - 2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên khoảng 600 ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 50 ha, quy mô dân số khoảng 4.000 người; tập trung đầu tư đạt một số tiêu chuẩn cơ bản của đô thị loại V. Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 70-80 ha, quy mô dân số khoảng 6.000 người; đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V và trở thành thị trấn.

- Hình thành và phát triển đô thị mới Ba Vì (huyện Ba Tơ) thành thị trấn trên cơ sở xã Ba Vì hiện trạng. Giai đoạn 2011 - 2015, hình thành không gian đô thị, tổng diện tích tự nhiên 4.294 ha, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 60 ha, quy mô dân số khoảng 5.000 người; tập trung đầu tư đạt một số tiêu chuẩn cơ bản của đô thị loại V.

Đến năm 2020, diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 80 - 100 ha, quy mô dân số khoảng 7.000 người; đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V và trở thành thị trấn.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

3.1. Các nhiệm vụ chủ yếu:

a) Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch:

- Hoàn thành quy hoạch vùng của tỉnh, tổ chức lập quy hoạch đối với tất cả các đô thị mới chưa có quy hoạch để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển đô thị. Kiểm tra, rà soát lại tất cả các đồ án quy hoạch đô thị đã thực hiện để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Lập và khớp nối quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị đến tỷ lệ 1/500, đặc biệt là các khu chức năng quan trọng của đô thị.

- Đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị và quản lý kiến trúc các trục cảnh quan, đường phố chính trong đô thị.

b) Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị, ưu tiên đầu tư các đô thị trung tâm cấp vùng và cấp tỉnh:

- Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường...), nhất là các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm của đô thị; phát triển kết hợp chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng xã hội (nhà ở, công trình công cộng, công viên, cây xanh...) góp phần hoàn thiện không gian cảnh quan đô thị; chú ý xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo... tương ứng với quy mô dân số từng đô thị.

- Kết hợp đầu tư xây dựng mới với chỉnh trang, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng và sử dụng có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có. Phấn đấu hoàn thành các tiêu chí về cấp đô thị theo định hướng phát triển từng loại đô thị.

c) Phát triển mạnh các ngành kinh tế, nhất là dịch vụ, công nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tích cực, bảo đảm môi trường đô thị trong sạch và bền vững:

- Ưu tiên phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ, du lịch phù hợp với tiềm năng, nguồn lực của các đô thị; chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ tạo giá trị gia tăng cao. Tổ chức thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân và xây dựng nông thôn mới.

- Vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách ưu đãi hiện hành để kêu gọi, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời đẩy mạnh phát triển các loại hình đào tạo và cung ứng lao động đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế tại các đô thị.

d) Tập trung phát triển văn hóa - xã hội, xây dựng nếp sống văn minh đô thị:

- Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, nếp sống văn minh trong các đô thị. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân trong việc xây dựng, bảo vệ

và góp phần quản lý, phát triển đô thị. Chú trọng giải quyết tốt hơn các vấn đề về việc làm, nhà ở, giảm nghèo, về bảo vệ môi trường, sinh thái đô thị. Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá, lịch sử và giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương.

- Củng cố, đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, thể dục thể thao, các công trình và thiết chế văn hóa trong từng đô thị. Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển thể thao thành tích cao.

đ) Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư phát triển đô thị. Từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý đô thị. Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng tại các đô thị; quản lý các hoạt động văn hóa, du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí... theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức hướng dẫn, thực hiện tốt hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đô thị. Khẩn trương ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị; quy định phân cấp quản lý đô thị. Tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp cho chính quyền đô thị về công tác quản lý, phát triển đô thị.

e) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong các đô thị. Phát triển đô thị phải gắn liền với quy hoạch xây dựng thế trận khu vực phòng thủ, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội... bảo đảm môi trường xã hội của đô thị lành mạnh và an toàn.

3.2. Các giải pháp chủ yếu:

a) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đô thị của các cấp chính quyền. Kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng, phát triển và quản lý đô thị trong từng thời kỳ.

b) Xây dựng và ban hành chính sách liên quan đến xây dựng và phát triển đô thị như: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động vùng ven đô thị; ưu đãi, thu hút đầu tư vào đô thị; cơ chế đặc thù cho chính quyền đô thị. Sửa đổi hoặc ban hành các cơ chế, chính sách về bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi ngành nghề một cách đồng bộ, nhất quán; chú trọng cơ chế tạo quỹ đất trong khu đô thị, khu dân cư để phục vụ tái định cư, giải quyết đất ở cho các đối tượng chính sách và cơ chế bố trí nguồn vốn cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch.

Có cơ chế để hình thành doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hiện có đủ mạnh để thực hiện công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng và một số nhiệm vụ khác. Ban hành cơ chế đặc thù cho chính quyền đô thị.

c) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị. Xác định việc huy động vốn từ các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp tham gia xây dựng hạ tầng đô thị là nguồn lực chủ yếu. Khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất đô thị. Hình thành và quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật. Tranh thủ nguồn vốn từ Trung ương; kêu gọi, huy động vốn đầu tư nước ngoài.

Nghiên cứu phát hành trái phiếu địa phương phục vụ phát triển đô thị. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ nhà nước theo tỷ lệ hợp lý.

- Giai đoạn 2011 – 2015, kinh phí ngân sách tỉnh phân bổ đầu tư trực tiếp cho các đô thị khoảng 5.860 tỷ đồng (*bao gồm cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 1.500 tỷ đồng)*. Kinh phí ngân sách được phân bổ theo hình thức lũy tiến tăng dần cho từng năm; năm 2011, ngân sách tỉnh dự kiến bố trí 2-3%; năm 2012 khoảng 14 – 15%; kinh phí ngân sách được phân bổ tăng mạnh vào các năm 2014 – 2015.

Giai đoạn từ năm 2016 – 2020, trên cơ sở kế hoạch phát triển đô thị của các địa phương và khả năng của tỉnh, Uỷ ban nhân dân tỉnh sẽ xác định cụ thể nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ theo từng năm.

d) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp ngang tầm với yêu cầu quản lý đô thị trong tình hình mới. Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ chuyên môn có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực thực tiễn để thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu cho chính quyền đô thị trong quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị.

đ) Giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại các đô thị. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ nhân dân, xử lý có hiệu quả những vấn đề phức tạp phát sinh, không để xảy ra điểm nóng ở các đô thị. Điều chỉnh quy hoạch quốc phòng hợp lý với quy hoạch đô thị, bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh đô thị.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và hoàn chỉnh Đề án thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để ban hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2011, tại kỳ họp thứ 2./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toản